

Số: 45 /QĐ-IFI

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển của Viện Quốc tế Pháp ngữ
đến năm 2020, tầm nhìn 2030**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ

Căn cứ Quyết định số 5206/QĐ- BGDĐT ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1549/GD-ĐT ngày 13/5/1997 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Viện Tin học sử dụng Tiếng Pháp;

Căn cứ Quyết định số 4715/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/12/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động của Viện Tin học Pháp ngữ;

Căn cứ vào Quy định về tổ chức và hoạt động của Viện Quốc tế Pháp ngữ được ban hành theo Quyết định số 5033/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2014 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ nội dung góp ý cho Chiến lược phát triển của Viện Quốc tế Pháp ngữ của ĐHQGHN tại Công văn số 1475/ĐHQGHN-KHTC ngày 22/4/2015 và Công văn số 1889/ĐHQGHN-KHTC ngày 25/5/2015;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng Viện Quốc tế Pháp ngữ,

QUYẾT ĐỊNH:

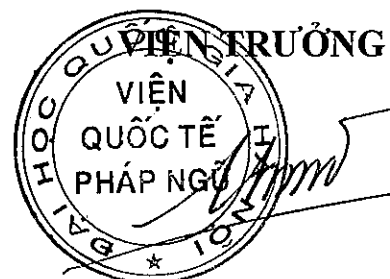
Điều 1. Ban hành “Chiến lược phát triển của Viện Quốc tế Pháp ngữ đến năm 2020, tầm nhìn 2030”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các đơn vị chức năng, chuyên môn thuộc Viện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*gph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (đề b/c);
- Hội đồng KH&ĐT của Viện;
- Lưu: VT; HCTH; P20.



Nguyễn Ngọc Bình

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ



VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ
Institut Francophone International

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VIỆN QUỐC TẾ PHÁP NGỮ
ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030**

(Ban hành theo Quyết định số 45/QĐ-IFI ngày 27/5/2015 của Viện trưởng Viện Quốc tế Pháp ngữ)

Hà Nội, năm 2015

MỞ ĐẦU

Viện Quốc tế Pháp ngữ (IFI) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Viện Tin học Pháp ngữ theo Quyết định số 4299/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/11/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) và căn cứ Thỏa thuận giữa ĐHQGHN và Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF) ký ngày 24/9/2012. Viện Quốc tế Pháp ngữ (sau đây gọi là Viện) hoạt động theo Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Viện do Giám đốc ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 5033/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/12/2014.

Được sự quan tâm của ĐHQGHN cùng với sự hỗ trợ, hợp tác có hiệu quả của các đơn vị trong ĐHQGHN, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu với trách nhiệm và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo, nhà khoa học, cán bộ viên chức và học viên, Viện đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được các kết quả đáng ghi nhận cho đến nay.

Công tác đào tạo sau đại học và nghiên cứu của Viện luôn được gắn kết cơ hữu, mật thiết với nhau. Viện đã có sự hợp tác về đào tạo, nghiên cứu chặt chẽ với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới, thu hút được đông đảo các học viên đến từ nhiều nước. Chất lượng các chương trình đào tạo được nhiều đại học có uy tín trên thế giới thừa nhận. Chương trình đào tạo đã được AUF đánh giá và công nhận đạt chuẩn quốc tế. Viện là một đơn vị đầu mối trong tổ hợp nghiên cứu quốc tế UMMISCO-IRD của các nước khối Pháp ngữ, đã tham gia triển khai nhiều đề tài, dự án trong và ngoài nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của một Viện nghiên cứu và đào tạo chất lượng quốc tế, Viện vẫn còn một số hạn chế cần sớm khắc phục. Quy mô đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, khoa học tính toán và các ngành liên quan, tận dụng thế mạnh của Viện với các quan hệ hợp tác với các đối tác trong AUF chưa cao. Các kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ, chế thử, dịch vụ và chuyển giao công nghệ còn ít. Cơ sở vật chất ở trong ĐHQGHN còn hạn hẹp và là khó khăn chung, chưa thể đáp ứng yêu cầu về diện tích và điều kiện làm việc, nghiên cứu và đào tạo theo chuẩn mực quốc tế của Viện.

Chiến lược phát triển Viện đến năm 2020, tầm nhìn 2030 tiếp tục phát huy các thế mạnh, khắc phục các hạn chế, định hướng phát triển Viện trong bối cảnh mới phù hợp với các chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước, phù hợp với Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030, phát huy vai trò, vị thế và tình hình cụ thể của Viện.

VI
IUC
HÁ
|||

1. BỐI CẢNH

1.1. Quốc tế

Cùng với quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực, toàn cầu hóa giáo dục đại học hướng đến việc trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, sinh viên, công nhận giá trị bằng cấp đào tạo, chuyển đổi tín chỉ giữa các hệ thống giáo dục; triển khai và công bố các kết quả nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học; tạo sự liên thông, hợp tác cùng phát triển giữa các đại học ở nhiều quốc gia khác nhau. Các đại học hàng đầu đang tích cực tham gia vào quá trình này, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là phương thức thúc đẩy sự phát triển.

Không chỉ thực hiện nhiệm vụ truyền thống là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tiên tiến, dưới áp lực của thời đại mới, các đại học, viện nghiên cứu rất chú trọng triển khai chuyển giao tri thức, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng. Nhiều mô hình hợp tác đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp, đại học - viện nghiên cứu - địa phương đã thành công nhờ việc triển khai một cách sáng tạo các hoạt động phát triển tiềm lực của mỗi bên.

Nắm bắt cơ hội và áp dụng các giải pháp đúng đắn, quyết liệt, nhiều đại học trong khu vực châu Á đã thành công vượt trội. Số lượng trường đại học của châu Á được xếp hạng trong nhóm 500 trường đại học hàng đầu thế giới ngày một gia tăng, góp phần đáng kể trong việc thay đổi tiềm lực mọi mặt của khu vực. Để ĐHQGHN thực hiện đầy đủ các tiêu chí của một đại học nghiên cứu thì các đơn vị thành viên và trực thuộc cần bám sát các tiêu chí liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình, đặc biệt các viện nghiên cứu cần chú trọng công tác nghiên cứu và thực hiện đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ thông qua nghiên cứu chất lượng cao.

1.2. Trong nước

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định: “Khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực vào việc nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa và dịch vụ; cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; một số lĩnh vực đã tiếp cận trình độ tiên tiến khu vực và thế giới”. Tiềm lực khoa học và công nghệ được nâng lên. Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới. Hệ thống pháp luật về khoa học và công nghệ được chú trọng hoàn thiện. Thị trường khoa học và công nghệ đã được hình thành và bước đầu phát huy tác dụng. Hợp tác quốc tế được đẩy mạnh và chủ động hơn trong một số lĩnh vực, góp phần nâng cao năng lực, trình độ khoa học và công nghệ trong nước.

Trong những năm qua, giáo dục đại học ở nước ta có nhiều phát triển, góp phần đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện

đại hoá đất nước. Tuy nhiên, giáo dục đại học chủ yếu phát triển về quy mô, chưa chú trọng chất lượng đầu ra. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được ưu tiên đầu tư đúng mức, đào tạo chưa thực sự gắn với nghiên cứu khoa học và yêu cầu của người sử dụng. Nghiên cứu khoa học có ít sản phẩm khoa học và công nghệ mũi nhọn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều cơ sở đào tạo sau đại học về các lĩnh vực về tin học và khoa học liên ngành liên quan, tạo ra sự cạnh tranh gay gắt ở trong nước nên định hướng phát triển Viện về đào tạo và nghiên cứu phù hợp với tầm vóc của Viện là hết sức quan trọng.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, Chương trình phát triển quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Nghị định số 40/2014/NĐ-CP về Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được ban hành. Đây là những căn cứ, tiền đề quan trọng để xây dựng Chiến lược phát triển Viện đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Là một đơn vị trực thuộc, đang chuẩn bị tích cực để phát triển sớm thành đơn vị thành viên, Viện cần đóng góp xứng đáng giá trị của mình trong ĐHQGHN.

2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

2.1. Phát triển Viện phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và với chủ trương chung của ĐHQGHN; đồng thời, Viện cần tiếp tục phát triển đáp ứng kỳ vọng của Chính phủ Việt Nam đã ký với Cộng đồng Pháp ngữ năm 1993 về việc thành lập và phát triển Viện Tin học Pháp ngữ (IFI).

2.2. Phát triển Viện trở thành một viện quốc tế về nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, các lĩnh vực được Giám đốc ĐHQGHN giao và những lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực, phát huy tinh thần cộng đồng và uy tín của Viện hơn 20 năm qua và của ĐHQGHN; thực hiện tốt chỉ đạo của ĐHQGHN về nâng cao tính tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội và sáng tạo của các đơn vị; đẩy mạnh liên thông, liên kết, hợp tác toàn diện giữa các đơn vị trong ĐHQGHN, đặc biệt là với các đơn vị khác về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, khoa học tính toán trong ĐHQGHN (gồm Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Công nghệ, Viện Công nghệ Thông tin và Viện Quốc tế Pháp ngữ), với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương trong và ngoài nước để tạo các giá trị gia tăng và các sản phẩm

độc đáo của ĐHQGHN và tiến đến là sản phẩm quốc gia. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu.

2.4. Phát triển toàn diện và bền vững, tập trung xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của Viện, áp dụng các giải pháp mang tính đột phá; ưu tiên đầu tư phát triển các hướng nghiên cứu thế mạnh của Viện.

3. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ KHẨU HIỆU HÀNH ĐỘNG

3.1. Sứ mạng

Duy trì và phát huy truyền thống hơn 20 năm hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trong Cộng đồng Pháp ngữ của Viện Tin học Pháp ngữ trước đây, thực hiện nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ với trình độ và chất lượng quốc tế gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển các sản phẩm ứng dụng thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, các lĩnh vực đặc thù được giao và các lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán; góp phần xây dựng và phát triển ĐHQGHN. Triển khai các nghiên cứu và đào tạo bậc cao chất lượng quốc tế với những lĩnh vực khác là thế mạnh, đặc thù của hợp tác Việt Nam - Cộng đồng Pháp ngữ và được Giám đốc ĐHQGHN giao nhiệm vụ.

3.2. Tâm nhìn 2030

Trở thành Viện nghiên cứu ở trình độ quốc tế thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, những lĩnh vực được giao và các lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán, có tính hội nhập cao, đạt trình độ tiên tiến hàng đầu Đông Nam Á và được thế giới thừa nhận.

3.3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng quốc tế là giá trị cốt lõi thứ nhất của Viện đã được xây dựng và khẳng định trong hơn 20 năm phát triển. Viện cần duy trì và phát huy tốt giá trị cốt lõi này, trong nghiên cứu, hợp tác, đào tạo sau đại học và quản trị một viện nghiên cứu quốc tế.

Hợp tác khoa học Pháp ngữ là giá trị cốt lõi thứ hai của Viện: sự ra đời của Viện từ năm 1993 là thể hiện quan hệ hợp tác về đào tạo chuyên gia cao cấp về công nghệ thông tin giữa Chính phủ Việt Nam và AUF. Viện có quan hệ hợp tác đào tạo (mời giảng viên, gửi học viên thực tập tốt nghiệp, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh, cấp bằng kép thạc sĩ) với hàng chục trường đại học hàng đầu của các nước Pháp ngữ (Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, Canada) và nhiều viện nghiên cứu hàng đầu của Pháp (INRIA, IRD, CEA, INSA, CNRS, LORIA, ...). Phòng nghiên cứu "Mô hình hóa và mô phỏng tin học các hệ thống phức tạp (MSI)" của Viện đã và đang là thành viên tích cực của Đơn vị nghiên cứu quốc tế UMMISCO-IRD của các đại học, viện thuộc các nước Pháp ngữ. Viện cũng đã được

AUF trao chứng nhận "Chương trình đào tạo quốc tế" vào ngày 21/7/2014 cho các chương trình đào tạo thạc sĩ công nghệ thông tin tại Viện từ năm 1995 đến nay.

3.4. Khẩu hiệu hành động

"Sáng tạo, Bứt phá, Chất lượng quốc tế"

Mọi hoạt động đều phải mang tính sáng tạo và chất lượng quốc tế. Bứt phá về xây dựng, phát triển đội ngũ và môi trường làm việc (trong đó có cơ sở vật chất).

4. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

4.1. Mục tiêu chung

Trở thành một Viện nghiên cứu với chất lượng quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ, các lĩnh vực được giao và các lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán với đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, có quan hệ quốc tế sâu rộng, đặc biệt với các đối tác đại học và nghiên cứu thuộc khối Pháp ngữ, đáp ứng yêu cầu phát triển của ĐHQGHN và phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Mục tiêu đến năm 2020

- Tăng cường đội ngũ, mỗi năm tuyển thêm trung bình 3 tiến sĩ. Xây dựng được đội ngũ khoảng 20 nhà khoa học có trình độ từ tiến sĩ trở lên. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học. Tập trung đầu tư một số phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn, trình độ tiên tiến ở khu vực Đông Nam Á.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu gắn với sản phẩm khoa học công nghệ và là nhiệm vụ chính của Viện; có phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; thâm nhập công nghệ lõi và công nghệ tích hợp liên ngành làm cơ sở để phát triển một số sản phẩm quốc gia.

- Số lượng công trình công bố quốc tế hàng năm đạt 10 bài (trong đó có 5 bài thuộc hệ thống ISI và SCOPUS), công bố trong nước đạt 8 bài; 100% đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu có công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín ở trong và ngoài nước.

- Xây dựng, phát triển khoảng 2 nhóm nghiên cứu mạnh, có uy tín quốc gia và quốc tế. Đặc biệt, tập trung xây dựng các nhóm quốc tế về mô hình hóa và mô phỏng nâng cao các hệ thống phức tạp, khoa học tính toán, v.v.

- Tham gia có hiệu quả các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ quốc gia, quốc tế. Phát huy hiệu quả ưu thế và các mối liên kết hợp tác với các đối tác Pháp ngữ.

- Tăng quy mô đào tạo sau đại học (tiến sĩ, thạc sĩ), duy trì tốt các chương trình

đào tạo thạc sĩ hiện có, tăng số lượng chương trình đào tạo của Viện lên khoảng 3 chương trình thạc sĩ, 2 chương trình tiến sĩ. Các chương trình đều được kiểm định chất lượng quốc gia và đạt chuẩn khu vực và/hoặc quốc tế. Tiên phong về chất lượng quốc tế trong ĐHQGHN về đào tạo sau đại học nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, các lĩnh vực được giao và lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán.

- Thực hiện tốt việc trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học trên thế giới, đặc biệt với các quốc gia thuộc khối Pháp ngữ. Thu hút nhiều giảng viên, học giả và học viên, nghiên cứu sinh quốc tế tới làm việc, nghiên cứu và học tập tại Viện.

- Phát triển thành Viện nghiên cứu khoa học thành viên của ĐHQGHN.

4.2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tăng cường đội ngũ, xây dựng được đội ngũ khoảng 50 nhà khoa học có trình độ từ tiến sĩ trở lên. Tăng cường nghiên cứu, triển khai và đào tạo nhân lực lĩnh vực khoa học công nghệ, các lĩnh vực được giao và lĩnh vực liên quan về tin học, công nghệ thông tin - truyền thông, mô hình hóa và mô phỏng, khoa học tính toán. Gắn nghiên cứu với phát triển công nghệ, sản xuất thử nghiệm. Thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa các sản phẩm khoa học, công nghệ.

- Có phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; thâm nhập công nghệ lõi và công nghệ tích hợp liên ngành làm cơ sở để phát triển một số sản phẩm quốc gia.

- Số lượng công trình công bố quốc tế đạt 30 bài (trong đó có 15 bài thuộc hệ thống ISI và SCOPUS), công bố trong nước đạt 20 bài; 100% đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu có công bố trên các tạp chí chuyên ngành có chỉ số ISI, Scopus.

- Xây dựng, phát triển ít nhất 3 nhóm nghiên cứu mạnh, có uy tín quốc gia và quốc tế. Phát triển tổ chức ứng dụng triển khai khoa học công nghệ.

- Tăng số lượng chương trình đào tạo của Viện, đặc biệt là chương trình đào tạo tiến sĩ lên ít nhất 3 chương trình. Các chương trình đều đạt chuẩn quốc tế, phù hợp theo tiêu chí về tỷ lệ quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Các chương trình đào tạo của Viện được nhiều trường đại học trên thế giới công nhận.

5. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

5.1. Tăng cường, phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao (từ tiến sĩ trở lên). Đề xuất xây dựng cơ chế đột phá để thu hút được các nhà khoa học giỏi, các nhà khoa học đầu ngành về làm việc cho Viện. Kiện toàn, phát triển Viện và các đơn vị thuộc Viện theo hướng tổ chức hợp lý, tinh gọn, phù hợp với xu hướng hội nhập và thông lệ quốc tế, phát huy hiệu quả trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu theo chuẩn quốc tế. Tiếp tục chế độ mời các nhà khoa học và giáo sư từ các trường đối tác nước ngoài sang Viện nghiên cứu và giảng dạy sau đại học.

5.2. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Phát triển quy mô và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh các hướng nghiên cứu là thế mạnh của Viện, đặc biệt ưu tiên phát triển một số hướng nghiên cứu mũi nhọn được giao cho Viện, tạo ra các sản phẩm khoa học đặc sắc, trọng điểm quốc gia về công nghệ thông tin - truyền thông, các lĩnh vực đặc thù được giao và các lĩnh vực liên ngành liên quan.

5.3. Tăng cường kết nối hoạt động khoa học và công nghệ quốc tế, phát triển các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu phối hợp với nước ngoài, đặc biệt với các quốc gia thuộc khối Pháp ngữ, gia tăng tiềm lực khoa học và công nghệ của Viện và của ĐHQGHN. Nâng cao sự hiện diện của Viện trong các hoạt động khoa học và công nghệ quốc gia và quốc tế (hội nghị, hội thảo, chương trình hợp tác, trao đổi khoa học, công bố quốc tế, công tác quảng bá,...). Tăng cường giao lưu, hợp tác nghiên cứu giữa Viện với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ có uy tín của các nước trong khu vực và trên thế giới.

5.4. Là một trong những đầu mối chính của ĐHQGHN trong việc xúc tiến và phát triển các dự án, chương trình và nhiệm vụ hợp tác với các đối tác trong Cộng đồng Pháp ngữ theo quy định của pháp luật và của ĐHQGHN.

5.5. Tư vấn và dịch vụ trong lĩnh vực khoa học công nghệ và các lĩnh vực liên quan.

5.6. Tiếp tục triển khai đào tạo các chương trình đào tạo hiện có đảm bảo chất lượng. Phát triển các chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ với các đối tác nước ngoài. Thu hút các nghiên cứu sinh, học viên cao học từ nước ngoài qua các chế độ học bổng của ĐHQGHN, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các tổ chức quốc tế.

5.7. Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về công nghệ thông tin - truyền thông và các lĩnh vực được Giám đốc ĐHQGHN giao.

Các chỉ tiêu cơ bản được trình bày trong phần Phụ lục.

6. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN

6.1. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao

6.1.1. Tích cực tham gia Đề án phát triển đội ngũ cán bộ trình độ cao theo nhóm nhiệm vụ, nhóm lĩnh vực, khung năng lực và chuẩn chức danh phù hợp với tiêu chí của đại học nghiên cứu về quy mô, cơ cấu và trình độ của ĐHQGHN. Phát triển đội ngũ là một trong hai giải pháp bứt phá của ĐHQGHN và cũng là của chính Viện.

6.1.2. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, trong đó có một số nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế và có các nhà khoa học quốc tế tham gia.

6.1.3. Thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích, tôn vinh và đãi ngộ các nhà khoa học có trình độ cao; thu hút các học giả quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu và lãnh đạo nhóm nghiên cứu.

6.1.4. Thành lập Hội hoặc Câu lạc bộ cựu học viên, cựu nghiên cứu sinh của Viện nhằm tăng cường sự tham gia của các nhà khoa học, cán bộ đã từng học tập tại Viện tham gia hỗ trợ các chương trình, nhiệm vụ do Viện đang thực hiện.

6.2. Nâng cao hiệu quả các hoạt động khoa học và hợp tác phát triển

6.2.1. Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác hiện có. Phát triển các đối tác tiềm năng trong AUF và các đối tác khác trên nguyên tắc các bên cùng có lợi, thu hút các nguồn lực để phát triển Viện và ĐHQGHN.

6.2.2. Xác lập hệ thống đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Triển khai hợp tác thông qua các chương trình nghiên cứu, đào tạo phối hợp, chuyển giao công nghệ.

6.2.3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác giữa Viện và doanh nghiệp, địa phương, thu hút các chuyên gia khoa học, nhà quản lý, doanh nhân tham gia giảng dạy, nghiên cứu theo mô hình phối hợp.

6.2.4. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong ĐHQGHN, các đơn vị khác trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Hình thành các chương trình nghiên cứu có tính liên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin, giải quyết các vấn đề tổng thể.

6.2.5. Gắn các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ với các chương trình, đề tài, dự án, mục tiêu quốc gia.

6.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

6.3.1. Theo chỉ đạo của ĐHQGHN và với sự trợ giúp của Trường Đại học Ngoại ngữ và Trung tâm Hỗ trợ HSSV, Viện đảm bảo sử dụng tối ưu diện tích làm việc được sử dụng; thực hiện môi trường chuẩn mực quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo bậc cao. Đây cũng là một giải pháp bứt phá nữa của ĐHQGHN và của chính Viện.

6.3.2. Phát triển nguồn học liệu, xây dựng thư viện điện tử đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu của Viện.

6.3.3. Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông theo chuẩn số hóa để kết nối thông suốt, thuận tiện, hiệu quả trong quản lý, điều hành, cũng như thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức.

6.4. Đổi mới quản trị

6.4.1. Tạo dựng môi trường, điều kiện làm việc thân thiện, dân chủ, công bằng, tiện nghi, thúc đẩy sáng tạo. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng, văn hoá công sở trong Viện.

6.4.2. Áp dụng quản trị theo tiếp cận số lượng và chất lượng sản phẩm đầu ra, tiếp cận hệ thống, liên ngành. Triển khai thực hiện bộ chỉ số đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Triển khai tích cực công tác đảm bảo chất lượng trong Viện theo chuẩn quốc tế và theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của ĐHQGHN.

6.4.3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu và người lao động theo chức danh và quy hoạch; nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm thi hành công vụ.

6.4.4. Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác hành chính, áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi hoạt động. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu của Viện.

6.5. Gia tăng các nguồn lực tài chính

6.5.1. Tích cực, chủ động tìm kiếm, tham gia các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ quốc gia và quốc tế, đặc biệt với các đối tác truyền thống trong Cộng đồng Pháp ngữ. Chủ động và tích cực tham gia “đấu thầu” các đề tài khoa học của các Bộ và tổ chức quốc tế; hoàn thành tốt các đề tài để “nâng cấp” đăng ký các đề tài cấp cao hơn với kinh phí nhiều hơn.

6.5.2. Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến, đạt chuẩn quốc tế; thực hiện chính sách học phí tương thích với chất lượng đào tạo và nhu cầu người học từ năm học 2015-2016.

6.5.3. Phát triển các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo liên kết với các đối tác (ưu tiên Pháp ngữ song không hạn chế chỉ với các nước Pháp ngữ và không chỉ bằng tiếng Pháp), đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ năng lực của các cá nhân, tổ chức tại Việt Nam.

6.5.4. Tăng cường hợp tác, phối hợp đào tạo, nghiên cứu với các đối tác, đặc biệt là hỗ trợ từ AUF và các nước thành viên Cộng đồng Pháp ngữ.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


7.1. Viện Quốc tế Pháp ngữ báo cáo trình Giám đốc ĐHQGHN chỉ đạo vào tạo những điều kiện cần thiết để Viện thực hiện thành công Chiến lược phát triển Viện đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

7.2. Viện tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển 5 năm và từng năm để xác định các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược. Trước hết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch giai đoạn 2011-2015, xây dựng kế hoạch 5 năm 2016-2020 tiếp theo để hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược này.

7.3. Viện chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt.

7.4. Viện phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến tất cả các đơn vị, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, viên chức, người lao động, học viên, nghiên cứu sinh trong toàn Viện. Đồng thời, Viện giới thiệu rộng rãi Chiến lược đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

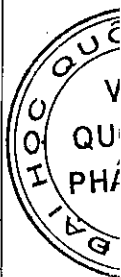
7.5. Hằng năm, Viện báo cáo ĐHQGHN tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị. Tổng kết, báo cáo ĐHQGHN tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011-2015 tại Viện và kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 tiếp theo để hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược phát triển này.


VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
QUỐC TẾ
PHÁP NGỮ
Nguyễn Ngọc Bình

Phụ lục

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN
Chiến lược phát triển Viện Quốc tế Pháp ngữ (IFI) đến năm 2020

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu tại thời điểm		
		2010	2015	2020
1. Chất lượng đào tạo				
1.1.	<i>Quy mô tuyển sinh (người)</i>			
	- Chính quy	60	60	125
	<i>Trong đó,</i>			
	Thạc sĩ	60	60	120
	Tiến sĩ	0	0	5
1.2.	<i>Quy mô đào tạo (người)</i>			
	- Chính quy	60	90	255
	<i>Trong đó,</i>			
	Thạc sĩ	60	90	240
	Tiến sĩ	0	0	15
1.3.	<i>Đào tạo chất lượng cao</i>			
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo chất lượng cao, tiên tiến, và chuẩn quốc tế trên tổng quy mô đào tạo sau đại học	100%	100%	50%
	- Tỷ lệ quy mô đào tạo liên kết quốc tế trên tổng quy mô đào tạo sau đại học	100%	100%	50%
1.4.	<i>Cơ cấu ngành (chương trình) đào tạo giữa các nhóm lĩnh vực</i>			
	- Công nghệ - Kỹ thuật	100%	100%	50%
	- Liên ngành và thí điểm	0%	0%	50%
1.5.	<i>Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ khoa học</i>			
	Thành lập và phát triển đơn vị thành viên	0	1	1
	- Tổng số cán bộ	16	10	22
	- Tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên, nghiên cứu sinh/cán bộ khoa học cơ hữu	10/1	12/1	10/1
	- Tỷ lệ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học	100%	100%	100%
	- Tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư	25%	25%	30%
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học	50%	40%	60%
1.6.	<i>Kiểm định chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực quốc tế</i>			
	- Tỷ lệ học viên có việc làm sau khi tốt nghiệp	100%	100%	100%
	- Tỷ lệ học viên tiếp tục học tập, nghiên cứu sinh hoặc làm việc trong môi trường	25%	30%	50%



TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu tại thời điểm		
		2010	2015	2020
	quốc tế.			
1.7.	<i>Phát triển năng khiếu và bồi dưỡng nhân tài</i>			
	- Các giải thưởng khoa học quốc gia, quốc tế/năm	0	0	1
2. Chất lượng nghiên cứu khoa học và chuyên gia tri thức				
2.1.	<i>Số bài báo, báo cáo khoa học/năm</i>			
	- Trong nước		2	8
	- Quốc tế		6	10
	<i>Trong đó, tính riêng số bài báo thuộc hệ thống ISI và SCOPUS:</i>		2	5
2.2.	<i>Sách chuyên khảo/năm</i>			
	- Tiếng Việt	0	0	1
	- Tiếng nước ngoài	0	0	1
2.3.	<i>Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách/năm</i>			
	- Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	0	0	1
	- Hợp đồng tư vấn, giải pháp khoa học công nghệ cấp ĐHQGHN	0	0	1
2.4.	<i>Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao cấp ngành và quốc gia/năm</i>	0	0	1
2.5.	<i>Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu (cấp ĐHQGHN trở lên)/năm</i>			
	- Trong nước	0	2	5
	- Quốc tế	1	2	5
2.6.	<i>Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu</i>			
	- Trọng điểm cấp ĐHQGHN trở lên	0	0	1
	- Hợp tác doanh nghiệp	-	0	1
	- Hợp tác quốc tế	1	1	2
	- Nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN	0	0	2 đến 3
2.7.	<i>Doanh nghiệp, vườn ươm KHCN</i>	-	0	1
2.8.	<i>Các giải thưởng quốc tế, quốc gia/năm</i>	-	0	1
3. Hội nhập quốc tế				
3.1.	<i>Hội nhập mô hình, tiêu chí đại học nghiên cứu</i>			
	- Tỷ lệ kinh phí Đào tạo/Nghiên cứu khoa học/Dịch vụ	7/3/0	6/3,5/0,5	4/5/1
3.2.	<i>Mức độ quốc tế hóa</i>			
	- Số học viên, nghiên cứu sinh đi trao đổi/năm	10	18	20
	- Số học viên, nghiên cứu sinh nước ngoài đến học tập/năm	10	12	20
	- Số lượt cán bộ đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở nước ngoài/năm	5	10	20
	- Số lượt cán bộ khoa học nước ngoài	10	10	20

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu tại thời điểm		
		2010	2015	2020
	đến trao đổi khoa học và giảng dạy/năm			
3.3.	Số chương trình đào tạo được đối tác nước ngoài đồng cấp bằng	-	2	3
3.4	Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế	0	0	2

